Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Sao Thăng Long

Digitally signed by Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Sao Thăng Long
DN: C=VN, L=13 Minh Khai - Phường Nguyễn Du - Thành phố Nam Định - Nam Định., OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0600004422, O=Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Sao Thăng Long, E=quan.chu@sisi.vn, CN=Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Sao Thăng Long
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025.07.18 15:27:49+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

MỤC LỤC

----- oOo -----

		Trang
1.	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	02 - 03
2.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	04
3.	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	05
4.	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	06 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại gày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**8.014.737.023**	**4.352.647.805**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**4.837.116.038**	**1.686.599.228**
1. Tiền	111		4.837.116.038	1.686.599.228
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V.2**	**1.579.327.860**	**1.732.166.040**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		5.011.980.754	5.011.980.754
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(3.432.652.894)	(3.279.814.714)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**1.453.852.823**	**818.112.854**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	306.457.800	306.457.800
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	258.562	81.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	1.147.136.461	430.655.054
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**144.440.302**	**115.769.683**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	9.577.274	2.568.182
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		134.863.028	113.201.501
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**395.784.847.445**	**396.190.113.484**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**30.600.676.403**	**31.000.000.000**
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	30.600.676.403	31.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**V.2**	**365.169.095.443**	**365.169.095.443**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		310.155.998.833	310.155.998.833
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		56.000.000.000	56.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(986.903.390)	(986.903.390)
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**15.075.599**	**21.018.041**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	15.075.599	21.018.041
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**403.799.584.468**	**400.542.761.289**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG **Mẫu số B 01 - DN**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại gày 30 tháng 06 năm 2025 *Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**3.169.959.158**	**1.529.347.574**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**3.169.959.158**	**1.529.347.574**
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.8	188.698.030	221.661.270
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	506.173.865	664.451.117
3. Phải trả người lao động	314		141.889.522	313.069.749
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	2.333.197.741	330.165.438
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**400.629.625.310**	**399.013.413.715**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.11**	**400.629.625.310**	**399.013.413.715**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		323.000.000.000	323.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		323.000.000.000	323.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		113.603.333	113.603.333
3. Cổ phiếu quỹ	415		(437.449.533)	(437.449.533)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		291.971.737	291.971.737
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		77.661.499.773	76.045.288.178
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*76.045.288.178*	*73.916.844.394*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*1.616.211.595*	*2.128.443.784*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**403.799.584.468**	**400.542.761.289**

Nam Định, ngày 18 tháng 7 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Phương	Trần Quốc Thuấn	Ngô Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2/2025	Quý 2/2024	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1**	**-**	**251.808.300**	**-**	**475.756.800**
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	251.808.300	-	475.756.800
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	-	274.360.323	-	381.561.846
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	**20**		**-**	**(22.552.023)**	**-**	**94.194.954**
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.325.924.136	700.134.686	3.243.269.673	1.306.097.703
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	(101.197.401)	95.435.645	152.838.180	302.538.644
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	*177.090.411*	-	*358.116.164*
7. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	759.469.148	615.284.804	1.419.093.203	1.017.847.297
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	**30**		**1.667.652.389**	**(33.137.786)**	**1.671.338.290**	**79.906.716**
10. Thu nhập khác	31		250.000	2.030.435.033	250.000	2.030.435.033
11. Chi phí khác	32	VI.6	318.295	1.666	1.244.222	1.666
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(68.295)**	**2.030.433.367**	**(994.222)**	**2.030.433.367**
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**1.667.584.094**	**1.997.295.581**	**1.670.344.068**	**2.110.340.083**
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	53.580.478	259.459.450	54.132.473	282.068.350
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 -52)	**60**		**1.614.003.616**	**1.737.836.131**	**1.616.211.595**	**1.828.271.733**
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**		**50,1**	**53,9**	**50,2**	**56,7**

Nam Định, ngày 18 tháng 7 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Phương	Trần Quốc Thuấn	Ngô Văn Phương

Bản thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	**1.670.344.068**	**2.110.340.083**
- Các khoản dự phòng	03	152.838.180	(55.577.520)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.243.269.623)	(700.176.000)
- Chi phí lãi vay	06	-	358.116.164
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**	**(1.420.087.375)**	**1.712.702.727**
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09	(715.734.071)	(143.595.934)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	1.786.386.102	3.703.613.587
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12	(1.066.650)	11.139.444
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(193.000.000)	(5.665.808.325)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(543.501.994)**	**(381.948.501)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	399.323.597	-
2. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.294.695.207	700.176.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**3.694.018.804**	**700.176.000**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)	**50**	**3.150.516.810**	**318.227.499**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**1.686.599.228**	**492.754.421**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	**4.837.116.038**	**810.981.920**

Nam Định, ngày 18 tháng 7 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Phương	Trần Quốc Thuấn	Ngô Văn Phương

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập:

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách - Thiết bị trường học Nam Định thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ-BGD&ĐT - TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định theo Quyết định số 24/2017/QĐ - HĐQT ngày 28/12/2017. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600004422 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2005, thay đổi lần thứ 13 ngày 26/09/2024.

Trụ sở chính của Công ty trước khi sáp nhập đặt tại: 13 Minh Khai, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam

Sau khi sáp nhập đặt tại: 13 Minh Khai, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 323.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 323.000.000.000 đồng.

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn sách giáo khoa, sách khác, văn phòng phẩm; Bán buôn thiết bị đồ dùng dạy học, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xuất bản sách;
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ;
- Bán buôn đồ uống.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

4. Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 06 năm 2025: 10 nhân viên.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

5.1 Danh sách các công ty

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long tại Hà Nội	Địa chỉ cũ trước khi sáp nhập là: Số 19 ngõ 158, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội Địa chỉ sau khi sáp nhập là: Số 19 ngõ 158, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Biên, Thành phố Hà Nội

5.2. Tại gày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có (02) công ty liên kết như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	*Hoạt động chính*	*Tỷ lệ vốn góp*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết*
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	Kinh doanh sách và thiết bị giáo dục	48.31%	48.31%	48.31%
Công ty Cổ phần Chợ Mơ	Xây dựng, lắp đặt, kinh doanh bất động sản, vận tải hàng hóa	49,00%	49,00%	49,00%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (đồng) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC được Bộ Tài Chính ban hành ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính *(Tiếp theo)*

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty này. Khi Công ty không còn quyền đồng kiểm soát thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

+ Khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

4. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chí phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ trên 12 tháng.

5. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập BCTC.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

6. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu do các thành viên góp vốn, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ lãi các khoản tiền gửi, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán..; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

12. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

14. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025	01/01/2025
Tiền	**4.837.116.038**	**1.686.599.228**
Tiền mặt	1.575.155.444	32.511.250
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.261.960.594	1.654.087.978
Cộng	**4.837.116.038**	**1.686.599.228**

2. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh	**30/6/2025**		**01/01/2025**	
	Giá gốc	**Dự phòng**	**Giá gốc**	**Dự phòng**
	5.011.980.754	**(3.432.652.894)**	**5.011.980.754**	**(3.279.814.714)**
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định - Mã PND (*)	5.011.980.754	(3.432.652.894)	5.011.980.754	(3.279.814.714)
Cộng	**5.011.980.754**	**(3.432.652.894)**	**5.011.980.754**	**(3.279.814.714)**

(*) Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định: số lượng 231.573 cổ phiếu, giá trị 5.011.980.754 VND. Đơn vị thực hiện trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán theo giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất, cụ thể như sau:

	Số lượng cổ phiếu	**Giá gốc**	**Giá tham chiếu bình quân 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất**	**Dự phòng**
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định - Mã PND	231.573	21.643	6.820	3.432.652.894

2. Các khoản đầu tư tài chính

	30/6/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	**310.155.998.833**	**(986.903.390)**		**310.155.998.833**	**(986.903.390)**	
Công ty Cổ phần Chợ Mơ	306.127.500.000	(986.903.390)	(*)	306.127.500.000	(986.903.390)	(*)
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	4.028.498.833	-	(*)	4.028.498.833	-	(*)
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	**56.000.000.000**	**-**		**56.000.000.000**	**-**	
Công ty Cổ phần Phát triển thương mại Vinaconex	56.000.000.000	-	(*)	56.000.000.000	-	(*)
Cộng	**366.155.998.833**	**(986.903.390)**		**366.155.998.833**	**(986.903.390)**	

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết, Công ty khác của Công ty tại ngày 30/06/2025 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	Nam Định (sau sáp nhập là tỉnh Ninh Bình)	48.31%	48.31%	Kinh doanh sách giáo khoa
Công ty Cổ phần Chợ Mơ	Hà Nội	49,00%	49,00%	Xây dựng, lắp đặt, kinh doanh bất động sản, vận tải hàng hóa
Công ty khác				
Công ty Cổ phần Phát triển thương mại Vinaconex	Hà Nội	9,47%	9,47%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu của khách hàng	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	**306.457.800**	**-**	**306.457.800**	**-**
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Cà phê đường phố	306.457.800	-	306.457.800	-
Cộng	**306.457.800**	**-**	**306.457.800**	**-**

4. Trả trước cho người bán	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	**258.562**	**-**	**81.000.000**	**-**
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC	-	-	81.000.000	-
Công ty khác	258.562	-	-	-
Cộng	**258.562**	**-**	**81.000.000**	**-**

5. Phải thu về cho vay	30/6/2025		01/01/2025	
Dài hạn	**Giá trị**	**Dự phòng**	**Giá trị**	**Dự phòng**
Công ty cổ phần Chợ Mơ	30.600.676.403	-	31.000.000.000	-
Cộng	**30.600.676.403**	**-**	**31.000.000.000**	**-**

6. Phải thu khác	30/6/2025		01/01/2025	
Ngắn hạn	**Giá trị**	**Dự phòng**	**Giá trị**	**Dự phòng**
Công ty cổ phần Chợ Mơ	-	-	44.518.593	-
Công ty Cổ phần Sách và thiết bị giáo dục Nam Định	342.136.461	-	381.136.461	-
Ký quỹ, ký cược	805.000.000	-	5.000.000	-
Cộng	**1.147.136.461**	**-**	**430.655.054**	**-**
Phải thu các bên liên quan				
Công ty cổ phần Chợ Mơ	-	-	44.518.593	-
Công ty Cổ phần Sách và thiết bị giáo dục Nam Định	342.136.461	-	381.136.461	-

7. Chi phí trả trước

	30/6/2025	01/01/2025
Chi phí trả trước ngắn hạn	**9.577.274**	**2.568.182**
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	9.577.274	2.568.182
Chi phí trả trước dài hạn	**15.075.599**	**21.018.041**
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	15.075.599	21.018.041
Cộng	**24.652.873**	**23.586.223**

8. Phải trả người bán

	30/6/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	**188.698.030**	**188.698.030**	**221.661.270**	**221.661.270**
Công ty Cổ phần Chợ Mơ	180.718.030	180.718.030	180.718.030	180.718.030
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định	-	-	33.000.000	33.000.000
Phải trả người bán khác	7.980.000	7.980.000	7.943.240	7.943.240
Cộng	**188.698.030**	**188.698.030**	**221.661.270**	**221.661.270**
Phải trả các bên liên quan				
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định	-	-	33.000.000	33.000.000
Công ty Cổ phần Chợ Mơ	180.718.030	180.718.030	180.718.030	180.718.030
Cộng	**180.718.030**	**180.718.030**	**213.718.030**	**213.718.030**

9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2025
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	642.345.542	54.132.473	193.000.000	503.478.015
Thuế thu nhập cá nhân	22.105.575	14.520.155	33.929.880	2.695.850
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	**664.451.117**	**72.652.628**	**230.929.880**	**506.173.865**

10. Phải trả khác

	30/6/2025	01/01/2025
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	55.366.000	44.065.000
Nhận ký quỹ, ký cược	270.924.750	270.924.750
Nguyễn Diệu Thu	2.000.000.000	-
Phải trả khác	6.906.991	15.175.688
Cộng	**2.333.197.741**	**330.165.438**

11. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	LNST chưa phân phối	Cộng
Năm 2024						
Số dư tại ngày 01/01/2024	**323.000.000.000**	**113.603.333**	**291.971.737**	**(437.449.533)**	**73.916.844.394**	**396.884.969.931**
Lợi nhuận	-	-	-	-	2.128.443.784	2.128.443.784
Số dư tại ngày 31/12/2024	**323.000.000.000**	**113.603.333**	**291.971.737**	**(437.449.533)**	**76.045.288.178**	**399.013.413.715**
Năm 2025						
Số dư tại ngày 01/01/2025	**323.000.000.000**	**113.603.333**	**291.971.737**	**(437.449.533)**	**76.045.288.178**	**399.013.413.715**
Lợi nhuận	-	-	-	-	1.616.211.595	1.616.211.595
Số dư tại ngày 30/06/2025	**323.000.000.000**	**113.603.333**	**291.971.737**	**(437.449.533)**	**77.661.499.773**	**400.629.625.310**

12. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	**Tỷ lệ vốn góp**	**30/6/2025**	**01/01/2025**
Các cổ đông	100,00%	323.000.000.000	323.000.000.000
Cộng	**100%**	**323.000.000.000**	**323.000.000.000**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	**30/6/2025**	**01/01/2025**
Vốn góp của chủ sở hữu	**323.000.000.000**	**323.000.000.000**
Vốn góp đầu kỳ	*323.000.000.000*	*323.000.000.000*
Vốn góp cuối kỳ	*323.000.000.000*	*323.000.000.000*
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu	**30/6/2025**	**01/01/2025**
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.300.000	32.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.300.000	32.300.000
Cổ phiếu phổ thông	*32.300.000*	*32.300.000*
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	81.000	81.000
Cổ phiếu phổ thông	*81.000*	*81.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.219.000	32.219.000
Cổ phiếu phổ thông	*32.219.000*	*32.219.000*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	*10.000*	*10.000*

e. Các quỹ của doanh nghiệp	**30/6/2025**	**01/01/2025**
Quỹ đầu tư phát triển	291.971.737	291.971.737
Cộng	**291.971.737**	**291.971.737**

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**Từ 01/04/2025 Đến 30/06/2025**	**Từ 01/04/2024 Đến 30/06/2024**
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	251.808.300
Cộng	**-**	**251.808.300**

2. Giá vốn hàng bán	**Từ 01/04/2025 Đến 30/06/2025**	**Từ 01/04/2024 Đến 30/06/2024**
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	274.360.323
Cộng	**-**	**274.360.323**

3. Doanh thu hoạt động tài chính	**Từ 01/04/2025 Đến 30/06/2025**	**Từ 01/04/2024 Đến 30/06/2024**
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	925.924.136	134.686
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.400.000.000	700.000.000
Cộng	**2.325.924.136**	**700.134.686**

4. Chi phí tài chính	**Từ 01/04/2025 Đến 30/06/2025**	**Từ 01/04/2024 Đến 30/06/2024**
Lãi tiền vay	-	177.090.411
Trích lập/hoàn nhập dự phòng	(101.197.401)	(81.654.766)
Cộng	**(101.197.401)**	**95.435.645**

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**Từ 01/04/2025 Đến 30/06/2025**	**Từ 01/04/2024 Đến 30/06/2024**
Chi phí nhân viên	528.415.886	401.854.700
Chi phí đồ dùng văn phòng	9.388.453	2.472.222
Chi phí dịch vụ mua ngoài	221.664.809	210.157.882
Chi phí bằng tiền khác	-	800.000
Cộng	**759.469.148**	**615.284.804**

6. Chi phí khác	**Từ 01/04/2025 Đến 30/06/2025**	**Từ 01/04/2024 Đến 30/06/2024**
Chi phí khác	318.295	1.666
Cộng	**318.295**	**1.666**

7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	**Từ 01/04/2025 Đến 30/06/2025**	**Từ 01/04/2024 Đến 30/06/2024**
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.388.453	2.472.222
Chi phí nhân công	528.415.886	401.854.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	221.664.809	210.157.882
Chi phí khác bằng tiền	-	800.000
Cộng	**759.469.148**	**615.284.804**

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**Từ 01/04/2025 Đến 30/06/2025**	**Từ 01/04/2024 Đến 30/06/2024**
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.667.584.094	1.997.295.581
a. Các khoản điều chỉnh tăng	318.295	1.666
- *Chi phí không được trừ*	*318.295*	*1.666*
Cổ tức, lợi nhuận được chia	*1.400.000.000*	*700.000.000*
2. Thu nhập tính thuế	267.902.389	1.297.297.247
3. Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**53.580.478**	**259.459.450**

9. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

9.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

9.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

9.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 30 tháng 06 năm 2025	*Dưới 1 năm*	*Từ 1-5 năm*	*Trên 5 năm*	*Tổng cộng*
Phải trả người bán	188.698.030	-	-	**188.698.030**
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.277.831.741	-	-	**2.277.831.741**
Cộng	**2.466.529.771**	**-**	**-**	**2.466.529.771**
Ngày 01 tháng 01 năm 2025				
Phải trả người bán	221.661.270	-	-	**221.661.270**
Các khoản phải trả, phải nộp khác	286.100.438	-	-	**286.100.438**
Cộng	**507.761.708**	**-**	**-**	**507.761.708**

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 01 tháng 01 năm 2025 và ngày 30 tháng 06 năm 2025.

10. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

11. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính *(Tiếp theo)*

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	30/6/2025		01/01/2025		30/6/2025	01/01/2025
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	4.837.116.038	-	1.686.599.228	-	4.837.116.038	1.686.599.228
- Phải thu khách hàng	306.457.800	-	306.457.800	-	306.457.800	306.457.800
- Phải thu khác	1.147.136.461	-	430.655.054	-	1.147.136.461	430.655.054
- Đầu tư ngắn hạn	5.011.980.754	(3.432.652.894)	5.011.980.754	(3.279.814.714)	1.579.327.860	1.732.166.040
- Đầu tư dài hạn	56.000.000.000	-	56.000.000.000	-	56.000.000.000	56.000.000.000
TỔNG CỘNG	**67.302.691.053**	**(3.432.652.894)**	**63.435.692.836**	**(3.279.814.714)**	**63.870.038.159**	**60.155.878.122**
Nợ phải trả tài chính						
- Phải trả người bán	188.698.030	-	221.661.270	-	188.698.030	221.661.270
- Phải trả khác	2.277.831.741	-	286.100.438	-	2.277.831.741	286.100.438
TỔNG CỘNG	**2.466.529.771**	**-**	**507.761.708**	**-**	**2.466.529.771**	**507.761.708**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ

Bên liên quan	Mối quan hệ
Nguyễn Đức Hiếu	Chủ tịch HĐQT
Ngô Văn Phương	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Người ủy quyền CBTT
Trần Minh Tuấn	Thành viên HĐQT
Hà Quang Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng Ban Kiểm Soát
Nguyễn Trường Sơn	Thành viên Ban Kiểm Soát
Nguyễn Thị Huề	Thành viên Ban Kiểm Soát
Phạm Thị Nhài	Người phụ trách quản trị Công ty
Trần Quốc Thuấn	Kế toán trưởng
Công ty Cổ phần Chứng khoán Smart Invest	Công ty có thành viên HĐQT làm thành viên
Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý Smartinvest	Công ty có Chủ tịch HĐQT làm Chủ tịch HĐTV
Công ty Cổ phần Tập đoàn Khách sạn Đông Á	Công ty có thành viên HĐQT làm thành viên
Công ty Cổ phần xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Công ty có thành viên HĐQT làm thành viên
Công ty Cổ phần Chợ Mơ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Công nghiệp Tân Vinh	Công ty có thành viên HĐQT làm Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Tập đoàn ANN Holding	Công ty có thành viên BKS làm người đại diện pháp luật
Công ty Cổ phần Du lịch Ao Giời – Suối Tiên	Công ty thành viên HĐQT làm người đại diện pháp luật

Giao dịch phát sinh trong kỳ

Bên liên quan	Từ 01/04/2025 Đến 30/06/2025	Từ 01/04/2024 Đến 30/06/2024
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm thuế GTGT	**-**	**16.500.000**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Smartinvest	-	16.500.000
Mua hàng hóa, dịch vụ bao gồm thuế GTGT	**3.000.000**	**3.000.000**
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	3.000.000	3.000.000
Lãi cho vay	**925.805.901**	**-**
Công ty Cổ phần Chợ Mơ	925.805.901	-
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc	**120.000.000**	**119.400.000**
Ông Bùi Việt Dũng	-	119.400.000
Ông Hà Quang Hưng	120.000.000	-

Số dư cuối kỳ

Bên liên quan	**30/6/2025**	**01/01/2025**
Phải thu cho vay	**30.600.676.403**	**31.000.000.000**
Công ty Cổ phần Chợ Mơ	30.600.676.403	31.000.000.000
Phải thu khác	**342.136.461**	**381.136.461**
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	342.136.461	381.136.461
Công ty Cổ phần Chợ Mơ	-	44.518.593
Phải trả người bán	**180.718.030**	**213.718.030**
Công ty Cổ phần Chợ Mơ	180.718.030	180.718.030
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	-	33.000.000
Phải trả khác	**6.906.991**	**-**
Công ty Cổ phần Chợ Mơ	6.906.991	-

2. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:

Doanh thu phát sinh trong kỳ là doanh thu cung cấp dịch vụ. Doanh thu và chi phí chủ yếu phát sinh ở địa bàn Hà Nội nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực đia lý và lĩnh vực kinh doanh.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISC.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Nam Định, ngày 18 tháng 7 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**TỔNG GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Thị Phương	**Trần Quốc Thuấn**	**Ngô Văn Phương**